

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
PHONG PHÚ**

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|--------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán soát xét | 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 13 - 60 |
| 8. Phụ lục | 61 - 65 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Tổng Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước – Tổng Công ty Phong Phú theo Quyết định số 06/2007/QĐ-BCN ngày 11 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301446006, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 02 năm 2009 và đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 03 tháng 02 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 48 Tầng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84 – 8) 35 147 340
- Fax : (84 – 8) 38 406 790

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất sợi, chỉ may, chỉ thêu, vải dệt thoi, sản xuất khăn, vải, sợi, quần áo, hàng may sẵn (trừ trang phục, trừ tây, nhuộm, hồ, in, gia công hàng đã qua sử dụng); Bao bì (trừ tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Mua bán máy móc, phụ tùng ngành dệt, may. Kinh doanh thiết bị văn phòng, vật liệu điện, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm, môi trường. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, thiết bị dùng trong mạch điện). Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp;
- Dịch vụ nghiên cứu khoa học; chuyển giao công nghệ;
- Chăn nuôi lợn (không hoạt động tại trụ sở);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác và chế biến lâm sản;
- Thi công, tư vấn, thiết kế, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện công nghiệp, điện lạnh;
- Dịch vụ ăn uống (không hoạt động ăn uống và trò chơi giải trí tại trụ sở);
- Xây dựng cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu đô thị, phát triển nhà;
- Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Giáo dục mầm non, tiểu học;
- Gia công cơ khí;
- Sản xuất phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí;
- Xử lý nước thải;
- Hoạt động trang trí nội thất;
- Quảng cáo;
- Bán lẻ hàng may mặc;
- Trồng cây lấy củ có chất bột, mía, cây thuốc lá, cây thuốc Lào, cây lấy sợi, cây có hạt chứa dầu, cây hồ tiêu, cây cao su, cây cà phê, cây chè; trồng rau, đậu các loại, cây cảnh và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở).



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--|---|
| Chi nhánh Tổng Công ty cổ phần Phong Phú | 378 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |
| Nhà máy dệt 2 - Chi nhánh Tổng Công ty cổ phần Phong Phú tại Đà Nẵng | Đường số 3, khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng |
| Chi nhánh Tổng Công ty cổ phần Phong Phú tại Đà Nẵng | 294 Ông Ích Khiêm, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng |
| Chi nhánh Tổng Công ty cổ phần Phong Phú tại Bình Thuận | 215B Thủ Khoa Huân, phường Phú Thủy, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận |
| Chi nhánh Tổng Công ty cổ phần Phong Phú tại Hà Nội | 184 Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |
| Chi nhánh Tổng Công ty cổ phần Phong Phú tại Cần Thơ | 78A2 Trần Văn Khéo, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ |

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|---------------------|----------|------------------------------------|
| Ông Trần Quang Nghị | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2009 |
| Ông Trần Quang Sáng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2009 |
| Ông Phạm Xuân Trinh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2009 |
| Bà Phạm Minh Hương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 12 năm 2010 |
| Bà Bùi Thị Thu | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2014 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày tái bổ nhiệm |
|----------------------|------------|---------------------------------------|
| Bà Nguyễn Ngọc Hằng | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2014 |
| Bà Vũ Thị Thùy Dương | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2014 |
| Ông Nguyễn Khắc Sơn | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2014 |

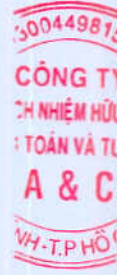
Ban điều hành, quản lý

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|---------------------------|--------------------|------------------------------------|
| Ông Phạm Xuân Trinh | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2013 |
| Bà Bùi Thị Thu | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2010 |
| Bà Phan Kim Hằng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2010 |
| Ông Trần Ngọc Nga | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2014 |
| Ông Đinh Hồng Tiến | Giám đốc điều hành | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2011 |
| Ông Lý Anh Tài | Giám đốc điều hành | Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2014 |
| Bà Lê Thị Ánh Ngọc | Giám đốc điều hành | Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2014 |
| Ông Nguyễn Văn Nhiệm | Giám đốc điều hành | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014 |
| Ông Võ Đình Hùng | Giám đốc điều hành | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2014 |
| Bà Trương Thị Ngọc Phượng | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2009 |

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Xuân Trinh – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2013).

Ông Phạm Xuân Trinh đã ủy quyền cho Bà Bùi Thị Thu – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo Giấy ủy quyền số 298/UQ-PP ngày 20 tháng 3 năm 2015.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Bùi Thị Thu
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2015



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0761/2015/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, được lập ngày 31 tháng 7 năm 2015, từ trang 06 đến trang 65 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của các công ty trong Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0090-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2015

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 2.255.583.784.249 | 2.292.796.718.487 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 62.675.345.398 | 56.236.462.893 |
| 1. Tiền | 111 | | 54.675.345.398 | 44.236.462.893 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 8.000.000.000 | 12.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 15.060.000.000 | 19.502.240.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2a | 10.060.000.000 | 20.305.333.720 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | V.2a | - | (3.803.093.720) |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2b | 5.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 1.229.927.530.561 | 1.332.357.428.872 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 765.144.977.576 | 819.026.964.339 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 157.759.148.783 | 132.166.513.380 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.5a | 129.252.458.302 | 111.252.458.302 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.6a | 209.111.606.791 | 302.641.851.676 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.7 | (31.813.177.613) | (32.834.868.876) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | 472.516.722 | 104.510.051 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 883.747.794.389 | 816.827.161.035 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.8 | 894.103.600.753 | 827.213.466.054 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | V.8 | (10.355.806.364) | (10.386.305.019) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 64.173.113.901 | 67.873.425.687 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9a | 3.489.423.748 | 2.938.927.822 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 55.186.074.287 | 59.821.606.049 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.18 | 5.497.615.866 | 5.112.891.816 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 2.297.587.097.897 | 2.379.464.969.025 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 512.531.804.569 | 513.117.157.519 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | V.5b | 5.686.828.330 | 5.686.828.330 |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.6b | 506.844.976.239 | 507.430.329.189 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 1.032.417.233.313 | 1.119.774.051.123 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 985.200.575.344 | 1.082.976.856.892 |
| - Nguyên giá | 222 | | 2.368.257.231.772 | 2.430.319.011.550 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (1.383.056.656.428) | (1.347.342.154.658) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.11 | 47.071.818.612 | 36.743.932.168 |
| - Nguyên giá | 225 | | 52.666.012.068 | 39.807.974.302 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (5.594.193.456) | (3.064.042.134) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.12 | 144.839.357 | 53.262.063 |
| - Nguyên giá | 228 | | 355.250.000 | 234.000.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (210.410.643) | (180.737.937) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 82.680.571.148 | 54.636.751.578 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.13 | 82.680.571.148 | 54.636.751.578 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 651.409.102.138 | 673.766.636.716 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2c | 455.948.605.122 | 488.544.021.294 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2d | 221.490.953.524 | 209.899.399.581 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.2d | (26.030.456.508) | (26.676.784.159) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | 2.000.000.000 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 18.548.386.729 | 18.170.372.089 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9b | 11.528.487.896 | 10.022.222.365 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.14 | 189.681.362 | 137.950.066 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | V.15 | 6.830.217.471 | 8.010.199.658 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 4.553.170.882.146 | 4.672.261.687.512 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 3.145.138.527.042 | 3.203.957.303.387 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.881.645.556.470 | 1.931.134.177.170 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.16a,c | 273.743.626.374 | 248.082.481.551 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.17 | 44.955.573.094 | 28.633.299.606 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.18 | 17.404.862.200 | 24.145.500.033 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.19 | 71.607.286.065 | 110.560.814.876 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.20 | 12.030.916.322 | 5.609.606.507 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.21a | 190.000.000 | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.22a,c | 123.311.462.156 | 53.499.074.060 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.23a,c | 1.332.061.694.541 | 1.458.277.492.067 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | 277.290.385 | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.24 | 6.062.845.333 | 2.325.908.470 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 1.263.492.970.572 | 1.272.823.126.217 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | V.23b,c | 23.399.508.851 | 23.399.508.851 |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | V.21b | 1.428.374.918 | 2.856.749.834 |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.22b,c | 20.675.868.000 | 32.425.616.270 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.23b,c | 1.217.989.218.803 | 1.214.141.251.262 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ


Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kê toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1.408.032.355.104 | 1.468.304.384.125 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 1.408.032.355.104 | 1.468.304.384.125 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.25 | 733.505.810.000 | 733.505.810.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 733.505.810.000 | 733.505.810.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.25 | 35.748.305.345 | 35.460.836.001 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | V.25 | (692.500.000) | (692.500.000) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.25 | 288.919.072.835 | 281.264.016.345 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | V.25 | 499.942.846 | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.25 | 229.198.538.916 | 298.874.469.488 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 90.798.911.341 | 298.874.469.488 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 138.399.627.575 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | V.26 | 120.853.185.162 | 119.891.752.441 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 4.553.170.882.146 | 4.672.261.687.512 |



Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu



Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng



Bùi Thị Thu
Phó Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 1.857.240.461.671 | 1.981.204.304.633 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 578.701.872 | 1.204.228.275 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 1.856.661.759.799 | 1.980.000.076.358 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 1.633.421.256.513 | 1.747.708.291.790 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 223.240.503.286 | 232.291.784.568 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 26.593.556.770 | 58.523.037.773 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 82.802.139.385 | 88.484.842.044 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 64.265.038.103 | 82.950.226.687 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | V.2c | 107.613.679.031 | 110.620.518.305 |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 44.701.063.089 | 36.537.984.986 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 75.879.914.769 | 98.968.277.990 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 154.064.621.844 | 177.444.235.626 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 2.813.198.793 | 9.080.972.054 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 12.300.461.937 | 2.127.696.416 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | (9.487.263.144) | 6.953.275.638 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 144.577.358.700 | 184.397.511.264 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.18 | 5.774.955.693 | 13.195.904.576 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | (51.731.296) | 180.822.554 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>138.854.134.303</u> | <u>171.020.784.134</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | <u>138.399.627.574</u> | <u>153.499.129.124</u> |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | <u>454.506.729</u> | <u>17.521.655.010</u> |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10a,b | <u>1.756</u> | <u>2.155</u> |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10a,b | <u>1.756</u> | <u>2.155</u> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2015


Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu

Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởngBùi Thị Thu
Phó Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|---------------|-----------------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 144.577.358.700 | 184.397.511.264 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.10,11,12,15 | 75.867.364.626 | 70.559.100.358 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.2,7,8 | (3.859.624.027) | (6.358.635.474) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.5 | 12.020.688.424 | 4.395.869.314 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (128.647.572.081) | (57.617.490.187) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.5 | 64.265.038.103 | 82.950.226.687 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 164.223.253.746 | 278.326.581.962 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 76.279.784.413 | (364.142.328.758) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (72.457.716.400) | (71.215.414.636) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (12.580.109.828) | 324.326.306.737 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (2.056.761.457) | (3.822.620.209) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | 10.245.333.720 | 8.740.903.280 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (46.973.468.054) | (77.400.991.323) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.18 | (6.470.905.069) | (29.475.123.661) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 819.712.815 | 538.020.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (9.903.850.496) | (26.281.903.978) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 101.125.273.390 | 39.593.429.414 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (46.887.606.059) | (13.303.926.904) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 7.930.398.407 | 7.048.127.273 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (20.000.000.000) | (49.900.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 15.045.000.000 | 74.229.096.720 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | (20.391.111.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 1.023.215.095 | 40.484.150.585 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 161.587.866.607 | 84.651.497.914 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 118.698.874.050 | 122.817.834.588 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ


Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)


| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|--------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 2.131.211.445.322 | 2.539.875.281.056 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (2.264.267.531.100) | (2.515.719.827.053) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | (1.498.676.200) | (5.637.897.407) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.22a, 25 | (78.959.588.160) | (136.621.759.166) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (213.514.350.138) | (118.104.202.570) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 6.309.797.302 | 44.307.061.432 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 56.236.462.893 | 76.232.264.483 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 129.085.203 | 179.784.908 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 62.675.345.398 | 120.719.110.823 |


Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu


Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2015




Bùi Thị Thu
Phó Tổng Giám đốc

144
CỘ
PH
NG
P.H
10448
ÔNG
NHIỆM
OÀN V.
1 &
T-TP

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Sản xuất, mua bán sợi, vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang (trừ tây, nhuộm, hồ in trên sản phẩm dệt, may đan, gia công hàng đã qua sử dụng); Nhuộm và hoàn tất vải; Mua bán hóa chất, thuốc nhuộm (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Mua bán máy móc thiết bị, vật tư, phụ tùng, phụ liệu ngành dệt – nhuộm – may; Sản xuất sợi, sợi nhân tạo (trừ tái chế thải); Buôn bán tơ, xơ, sợi dệt, hàng may mặc; Sản xuất và kinh doanh nước khoáng, bia, rượu, nước giải khát các loại; Sản xuất và kinh doanh các loại bao bì phục vụ cho ngành bia rượu, nước giải khát; Kinh doanh dịch vụ vận tải, ...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 08 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong sáu tháng 2015 Tổng Công ty phân loại trình bày khoản đầu tư của Công ty cổ phần Quốc tế Phong phú từ dạng đầu tư liên kết sang dạng đầu tư dài hạn khác do tỉ lệ góp vốn trong công ty này chỉ đạt 17,32% và Tổng Công ty không còn ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của công ty này.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|--|--|--------------------------------------|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Công ty cổ phần dệt Đông Nam | Số 727 Âu Cơ, phường Tân Thành, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh | Sản xuất các sản phẩm dệt | 60,99% | 60,99% | 60,99% | 60,99% |
| Công ty cổ phần dệt may Nha Trang | Xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa | Sản xuất các sản phẩm dệt | 73,59% | 73,59% | 73,59% | 73,59% |
| Công ty TNHH Phong Phú may thời trang | Ấp 1, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | Sản xuất các sản phẩm may thời trang | 76,91% | 70,06% | 76,91% | 70,06% |
| Công ty cổ phần may Gia Phúc | 48 Tầng Nhon Phú, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh | Sản xuất và buôn bán hàng may mặc | 51,00% | 51,00% | 51,00% | 51,00% |
| Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Phú Trà (trước là | Đường số 3, lô B, Khu công | Sản xuất vải dệt thoi, | 60,74% | 60,74% | 60,74% | 60,74% |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|---|---|---|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Công ty cổ phần đầu tư Phong Phú Sơn Trà | ngiệp Hòa Khánh, TP. Đà Nẵng | nhuộm sợi, nhuộm và hoàn tất vải | | | | |
| Công ty TNHH Linen Supply Services | Nhà xưởng A, Khu Công nghiệp Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai | Sản xuất các sản phẩm may mặc | 60,00% | 60,00% | 60,00% | 60,00% |
| Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú | Số 168B Bùi Thị Xuân, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh | Sản xuất, kinh doanh bông nguyên liệu nhập khẩu; sản xuất và xuất khẩu các loại khăn lông | 40,69% | 61,73% | 65,00% | 65,00% |
| Công ty cổ phần đầu tư Khánh Phú | 17 Hai Bà Trưng, phường Xương Huân, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa | Kinh doanh dịch vụ lưu ngân hạn và kinh doanh bất động sản | 50,46% | 43,29% | 68,56% | 58,82% |

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|--|---|---|---------------|-------------------|------------------------|
| Công ty TNHH Coats Phong Phú | Số 48 Tầng Nhon Phú, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh | Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi | 35,05% | 35,05% | 35,05% |
| Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú | Tòa nhà Gilimex, tầng 12-2, 24C Phan Đăng Lưu, phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh | Kinh doanh dịch vụ vận chuyển, giao nhận, dịch vụ xuất khẩu | 27,07% | 27,07% | 27,07% |
| Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị số 9 | Số 159 Điện Biên Phủ, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh | Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản | 20,00% | 20,00% | 20,00% |
| Công ty cổ phần may Đà Lạt | Số 09 Phù Đổng Thiên Vương, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng | Sản xuất, kinh doanh sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị ngành dệt may | 40,00% | 40,00% | 40,00% |
| Công ty TNHH xây dựng Phong Đức | Số 9/7 đường số 3, phường Bình Trưng Đông, quận 2, TP. Hồ Chí Minh | Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi, chỉ, sản phẩm dệt may. Mua bán vật tư, máy móc thiết bị ngành dệt. | 35,00% | 35,00% | 35,00% |
| Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú | Thôn Hạnh Trí, xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận | Sản xuất, mua bán bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc. Mua bán hóa chất thuốc nhuộm, máy móc thiết bị ngành dệt may | 40,00% | 40,00% | 40,00% |
| Công ty cổ phần phát triển nhà và đầu tư đô thị Phú Quốc | Lầu 7, số 159 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh | Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh doanh du lịch, lương thực thực phẩm, khai thác khoáng sản, máy móc thiết bị, vật liệu | 30,46% | 30,46% | 30,46% |
| Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức | Số 378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội | Kinh doanh dịch vụ vận chuyển, giao nhận | 47,64% | 47,64% | 47,64% |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|---|---|---|---------------|-------------------|------------------------|
| Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú Lăng Cô | Thôn Phú Hải 2, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế | Xây dựng công trình dân dụng, kinh doanh tổng hợp, trồng và chăm sóc rừng, các dịch vụ du lịch, kinh doanh vật liệu xây dựng. | 40,78% | 40,78% | 40,78% |

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Tập đoàn và Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 5.493 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 5.691 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi Tập đoàn thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn vẫn giữ quyền kiểm soát: kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.
- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.
- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của từng ngân hàng.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của từng ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

1600

ING T

HÀN

PH

100

115-C

TY

HỮU H

TƯ V

C

0 CH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí đồng phục

Chi phí đồng phục được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 01 năm

Chi phí quảng cáo

Chi phí quảng cáo được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 01 năm.

Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, máy móc thiết bị

Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, máy móc thiết bị được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa là các chi phí thực tế chi ra để sửa chữa văn phòng cho thuê và máy móc thiết bị. Chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh không quá 02 năm.

Các chi phí khác

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 40 |
| Máy móc và thiết bị | 08 – 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 12 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 05 |
| Tài sản cố định khác | 03 – 05 |

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính là từ 06 năm đến 10 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là chương trình phần mềm. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tài sản đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Tập đoàn trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Tập đoàn.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Tập đoàn phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

18-C
TY
:
H
HI
18-C
TY
ƯU H
TU V
S CHIN

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Tập đoàn nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Tập đoàn ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

16. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty cổ phần Phong Phú phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên phê duyệt.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tập đoàn đã là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tập đoàn đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tập đoàn đã thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm/kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Độc
TỔNG
CỔ
PHO
9-T
3004
CỔ
CH NH
1 TOÁ
A
NH-T

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 1.798.256.653 | 1.482.738.203 |
| Tiền gửi ngân hàng | 52.097.877.075 | 42.753.724.690 |
| Tiền đang chuyển | 779.211.670 | - |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | 8.000.000.000 | 12.000.000.000 |
| Cộng | 62.675.345.398 | 56.236.462.893 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|---|-----------------------|----------------|----------|-----------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| Cổ phiếu | 10.000.000.000 | - | - | 20.245.333.720 | 6.442.240.000 | (3.803.093.720) |
| Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam | - | - | - | 10.245.333.720 | 6.442.240.000 | (3.803.093.720) |
| Công ty cổ phần Đầu tư Nhà và Phát triển Đô thị Nha Trang | 10.000.000.000 | - | - | 10.000.000.000 | - | - |
| Trái phiếu | 60.000.000 | - | - | 60.000.000 | - | - |
| Cộng | 10.060.000.000 | - | - | 20.305.333.720 | 6.442.240.000 | (3.803.093.720) |

Khoản đầu tư vào Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam giảm do bán toàn bộ cổ phiếu đã đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|--------------------|-----------------|-------------------------|
| Số đầu năm | (3.803.093.720) | (18.153.939.264) |
| Hoàn nhập dự phòng | 3.803.093.720 | 1.599.116.030 |
| Số cuối kỳ | - | (16.554.823.234) |

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng đã thu lại tiền trong kỳ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**2c. Đầu tư vào công ty liên kết**

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|--|------------------------|-------------------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | Cộng | Giá gốc | Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | Cộng |
| Công ty TNHH Coats Phong Phú | 85.253.638.578 | 85.238.871.618 | 170.492.510.196 | 85.253.638.578 | 25.420.343.521 | 110.673.982.099 |
| Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú | 50.632.741.945 | 1.076.640.789 | 51.709.382.734 | 50.632.741.945 | 1.072.572.163 | 51.705.314.108 |
| Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị số 9 | 10.000.000.000 | (7.821.082) | 9.992.178.918 | 10.000.000.000 | 863.726.888 | 10.863.726.888 |
| Công ty cổ phần may Đà Lạt | 6.769.616.000 | (2.427.819.131) | 4.341.796.869 | 6.769.616.000 | (1.776.537.015) | 4.993.078.985 |
| Công ty TNHH xây dựng Phong Đức | 12.171.270.094 | 1.450.282.490 | 13.621.552.584 | 12.171.270.094 | 1.760.790.348 | 13.932.060.442 |
| Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú | 36.000.000.000 | 1.640.446.339 | 37.640.446.339 | 36.000.000.000 | 369.858.194 | 36.369.858.194 |
| Công ty cổ phần phát triển nhà và đầu tư đô thị Phú Quốc | 17.700.000.000 | - | 17.700.000.000 | 17.700.000.000 | - | 17.700.000.000 |
| Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức | 144.586.200.608 | (901.340.481) | 143.684.860.127 | 144.586.200.608 | (478.282.977) | 144.107.917.631 |
| Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú Lăng Cô | 7.299.200.000 | (533.322.645) | 6.765.877.355 | 7.299.200.000 | (533.322.645) | 6.765.877.355 |
| Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú ⁽¹⁾ | - | - | - | 14.093.555.470 | 77.338.650.122 | 91.432.205.592 |
| Cộng | 370.412.667.225 | 85.535.937.897 | 455.948.605.122 | 384.506.222.695 | 104.037.798.599 | 488.544.021.294 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

| | Giá trị phần sở hữu đầu năm | Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ | Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ | Các khoản tăng/giảm khác | Giá trị phần sở hữu cuối kỳ |
|--|--------------------------------|------------------------------|---|-----------------------------|--------------------------------|
| Công ty TNHH Coats Phong Phú | 110.673.982.099 | 107.792.554.518 | (37.883.078.906) | (10.090.947.515) | 170.492.510.196 |
| Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú | 51.705.314.108 | 4.068.626 | - | - | 51.709.382.734 |
| Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị số 9 | 10.863.726.888 | (498.347.939) | (600.000.000) | 226.799.969 | 9.992.178.918 |
| Công ty cổ phần may Đà Lạt | 4.993.078.985 | (225.916.725) | (423.101.710) | (2.263.681) | 4.341.796.869 |
| Công ty TNHH xây dựng Phong Đức | 13.932.060.442 | (320.465.465) | - | 9.957.607 | 13.621.552.584 |
| Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú | 36.369.858.194 | 1.284.843.520 | - | (14.255.374) | 37.640.446.339 |
| Công ty cổ phần phát triển nhà và đầu tư đô thị Phú Quốc | 17.700.000.000 | - | - | - | 17.700.000.000 |
| Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức | 144.107.917.631 | (423.057.504) | - | - | 143.684.860.127 |
| Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú Lăng Cô | 6.765.877.355 | - | - | - | 6.765.877.355 |
| Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú ⁽ⁱ⁾ | 91.432.205.592 | - | - | (91.432.205.592) | - |
| Cộng | 488.544.021.294 | 107.613.679.031 | (38.906.180.616) | (101.302.914.586) | 455.948.605.122 |

- (i) Trong sáu tháng 2015 Tổng Công ty phân loại trình bày khoản đầu tư của Công ty cổ phần Quốc tế Phong phú từ dạng đầu tư liên kết sang dạng đầu tư dài hạn khác do tỉ lệ góp vốn trong công ty này chỉ đạt 17,32% và Tổng Công ty không còn ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của công ty này.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|--|------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| <i>Công ty TNHH Coats Phong Phú</i> | | |
| Bán thành phẩm | 129.535.802.523 | 128.169.519.091 |
| Thu lợi nhuận được chia | 37.883.078.906 | 53.446.666.668 |
| Cung cấp dịch vụ | 7.781.053.757 | 7.095.000.611 |
| Mua nguyên liệu | 46.857.349.800 | 27.758.278.800 |
| <i>Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú</i> | | |
| Bán nguyên vật liệu và thành phẩm | 16.295.300.612 | 29.384.780.058 |
| Cung cấp dịch vụ | 389.589.740 | 383.743.635 |
| Cho vay | - | 32.200.000.000 |
| Lãi cho vay | 3.130.545.832 | 1.932.951.389 |
| Thu hộ tiền cô tức | 66.667.000 | - |
| Mua nguyên vật liệu | 21.384.313.423 | 21.323.429.593 |
| <i>Công ty cổ phần phát triển nhà và đô thị số 9</i> | | |
| Thu cô tức | 600.000.000 | 750.000.000 |
| <i>Công ty cổ phần may Đà Lạt</i> | | |
| Cô tức được chia | 423.101.710 | 338.483.421 |
| <i>Công ty TNHH xây dựng Phong Đức</i> | | |
| Lãi cho vay | - | 12.400.000 |
| <i>Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú</i> | | |
| Bán thành phẩm | 110.369.434.517 | 134.077.942.544 |
| Cung cấp dịch vụ | 858.375.236 | 418.351.668 |
| Chi phí lãi vay | 902.933.440 | - |
| Mua hàng | 165.766.314.512 | 110.929.518.395 |
| Mua dịch vụ | 1.163.081.525 | 2.418.169.921 |
| Góp vốn | - | 12.000.000.000 |
| Bán tài sản cố định | - | 5.604.000.000 |
| Cho thuê tài sản cố định | - | 1.044.310.940 |
| Lãi thuê tài chính phải thu lại liên quan các tài sản cố định cho thuê | - | 378.995.490 |
| <i>Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức</i> | | |
| Cung cấp dịch vụ | 75.800.745 | 70.601.190 |
| Lãi vay | 104.923.612 | 210.577.766 |
| Cho vay | 500.000.000 | 1.400.000.000 |
| <i>Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú Lăng Cô</i> | | |
| Góp thêm vốn | - | 200.000.000 |

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|----------------|-----------------|----------------|-----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công ty cổ phần bất động sản điện lực dầu khí ⁽ⁱ⁾ | - | - | 1.632.001.526 | - |
| Công ty cổ phần nguyên phụ liệu dệt may Bình An | 13.027.052.451 | - | 13.027.052.451 | - |
| Công ty cổ phần bất động sản dệt may Việt Nam | 27.459.839.897 | - | 27.459.839.897 | - |
| Công ty cổ phần đầu tư Phước Long | 4.828.700.437 | - | 4.828.700.437 | - |
| Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gia Định | 12.533.634.095 | - | 12.533.634.095 | - |
| Công ty cổ phần dệt may Phong Phú | 5.852.355.319 | (412.689.374) | 5.852.355.319 | (412.689.374) |
| Công ty cổ phần len Việt Nam | 1.337.103.882 | - | 1.337.103.882 | - |
| Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh nguyên liệu dệt may | 11.282.879.453 | (1.724.881.610) | 11.282.879.453 | (1.724.881.610) |
| Công ty cổ phần Sài Gòn Rạch Giá | 2.984.184.383 | - | 2.984.184.383 | - |
| Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Thuận Phú | 12.018.427.562 | (2.629.156.136) | 12.018.427.562 | (2.629.156.136) |
| Công ty cổ phần Hưng Phú | 1.813.677.770 | - | 1.813.677.770 | - |
| Công ty cổ phần tiếp vận xanh | 512.417.980 | - | 512.417.980 | - |
| Công ty cổ phần thương mại Chơn ⁽ⁱⁱ⁾ | - | - | 750.000.000 | - |
| Công ty cổ phần cung ứng vật tư dệt may Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾ | - | - | 120.000.000 | (55.722.351) |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công ty cổ phần phát triển đô thị dệt may Nam Định | 7.500.000.000 | (63.840.180) | 7.500.000.000 | (63.840.180) |
| Công ty cổ phần Thông Đức | 49.600.000.000 | (21.199.889.211) | 49.600.000.000 | (21.199.889.211) |
| Công ty cổ phần bông Tây Nguyên | 266.915.000 | - | 266.915.000 | - |
| Công ty cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam | 53.163.455.345 | - | 53.163.455.345 | - |
| Công ty cổ phần Phước Lộc | 3.216.754.481 | - | 3.216.754.481 | - |
| Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú (xem thuyết minh số V.2c) | 14.093.555.470 | - | - | - |
| Cộng | 221.490.953.525 | (26.030.456.510) | 209.899.399.581 | (26.086.178.861) |

- (i) Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần địa ốc điện lực dầu khí giảm do thu hồi vốn góp.
- (ii) Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần thương mại Chơn và Công ty cổ phần cung ứng vật tư dệt may Việt Nam giảm do thanh lý.

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|----------------------|-------------------------|-------------------------|
| Số đầu năm | (26.676.784.159) | (24.623.899.184) |
| Điều chỉnh tăng | - | (4.471.120.499) |
| Hoàn nhập dự phòng | 55.722.351 | 4.137.451.935 |
| Điều chỉnh giảm khác | 590.605.300 | - |
| Số cuối kỳ | (26.030.456.508) | (24.957.567.748) |

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 204.840.139.821 | 210.016.421.567 |
| Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức | 67.840.602.612 | 67.757.221.791 |
| Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú | 20.853.223.428 | 20.424.674.713 |
| Công ty TNHH Coats Phong Phú | 75.814.388.776 | 60.071.239.322 |
| Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú | 40.331.925.005 | 61.763.285.741 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| Phải thu các khách hàng khác | 560.304.837.755 | 609.010.542.772 |
| Sanmar Corporation | 26.858.459.153 | 26.315.220.659 |
| Công ty TNHH thương mại Nhật Khang | 57.563.814.950 | 118.871.014.563 |
| Công ty TNHH ITG - Phong Phú | 110.629.753.768 | 110.629.753.768 |
| Các khách hàng khác | 365.252.809.884 | 353.194.553.782 |
| Cộng | 765.144.977.576 | 819.026.964.339 |
| | | |
| 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Trả trước cho các bên liên quan | 102.608.914.736 | 102.608.914.736 |
| Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| Công ty TNHH xây dựng Phong Đức | 2.608.914.736 | 2.608.914.736 |
| Trả trước cho người bán khác | 55.150.234.047 | 29.557.598.644 |
| Công ty TNHH xây dựng Minh Việt | 10.414.480.857 | 3.045.327.348 |
| Các nhà cung cấp khác | 44.735.753.190 | 26.512.271.296 |
| Cộng | 157.759.148.783 | 132.166.513.380 |
| | | |
| 5. Phải thu về cho vay | | |
| 5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Phải thu các bên liên quan | 106.800.000.000 | 106.300.000.000 |
| Cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú vay | 104.300.000.000 | 104.300.000.000 |
| Cho Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Deawon Thủ Đức vay | 2.500.000.000 | 2.000.000.000 |
| Phải thu các tổ chức khác | 22.452.458.302 | 4.952.458.302 |
| Cho Công ty cổ phần phát triển hạ tầng công nghiệp và sản xuất kinh doanh dệt may Việt Nam vay | 17.500.000.000 | - |
| Cho Công ty cổ phần đầu tư Phong Vân mượn | 500.000.000 | 500.000.000 |
| Cho Tổng Công ty nông nghiệp Sài Gòn mượn | 4.452.458.302 | 4.452.458.302 |
| Cộng | 129.252.458.302 | 111.252.458.302 |
| | | |
| 5b. Phải thu về cho vay dài hạn | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Cho Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và đầu tư Thừa Thiên Huế vay | 886.828.330 | 886.828.330 |
| Cho Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Thuận Phú vay | 4.800.000.000 | 4.800.000.000 |
| Cộng | 5.686.828.330 | 5.686.828.330 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|--|----------|--|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | 87.008.882.700 | - | 201.281.151.666 | - |
| Công ty TNHH Coats Phong Phú - Cổ tức, lợi nhuận được chia | 29.736.000.000 | - | 150.000.000.000 | - |
| Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú - Cổ tức, lợi nhuận được chia | 21.969.188.891 | - | 21.969.188.891 | - |
| Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú - Phải thu tiền lãi cho vay | 34.739.371.295 | - | 28.852.563.873 | - |
| Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức - Phải thu tiền lãi vay | 551.922.514 | - | 446.998.902 | - |
| Công ty TNHH xây dựng Phong Đức - Phải thu tiền lãi vay | 12.400.000 | - | 12.400.000 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 122.102.724.091 (4.542.551.090) | - | 101.360.700.010 (4.542.551.090) | - |
| Phải thu bảo hiểm xã hội | - | - | 1.595.148.239 | - |
| Phải thu chuyển nhượng dự án đầu tư | 51.145.000.000 | - | 58.412.728.827 | - |
| Cổ tức và lợi nhuận được chia | 11.464.000.000 | - | 300.000.000 | - |
| Phải thu lãi cho vay | 5.337.930.079 | - | 2.277.667.548 | - |
| Phải thu khoản ứng trước cho Ban quản lý dự án khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô | 19.000.000.000 | - | 19.000.000.000 | - |
| Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai | 1.548.286.786 | - | - | - |
| Tạm ứng | 6.799.554.576 | - | 5.214.206.178 | - |
| Ký quỹ | 1.029.287.049 | - | 30.232.913 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 25.778.665.601 (4.542.551.090) | - | 14.530.716.305 (4.542.551.090) | - |
| Cộng | 209.111.606.791 (4.542.551.090) | - | 302.641.851.676 (4.542.551.090) | - |

6b. Phải thu dài hạn khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|-----------------|----------|-----------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu tiền hợp tác kinh doanh | 504.081.385.644 | - | 503.975.658.594 | - |
| Công ty cổ phần HUD Sơn Trà | 110.196.192.000 | - | 110.196.192.000 | - |
| Dự án khu công nghiệp Đồng Mai | 250.000.000.000 | - | 250.000.000.000 | - |
| Dự án khu nhà ở công nhân Phước Long B, quận 9 | 92.607.870.584 | - | 92.607.870.584 | - |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Dự án khu công nghiệp Lê Minh Xuân | 23.912.262.208 | - | 23.871.850.408 | - |
| Dự án trung tâm thương mại Phước Long B | 13.884.365.852 | - | 13.819.050.602 | - |
| Dự án Trung Thủy | 13.480.695.000 | - | 13.480.695.000 | - |
| Ký quỹ dài hạn | 2.584.892.772 | - | 2.013.074.212 | - |
| Các khoản phải thu dài hạn khác | 178.697.823 | - | 1.441.596.383 | - |
| Cộng | 506.844.976.239 | - | 507.430.329.189 | - |

7. Nợ xấu

| | Thời gian quá hạn | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | | |
|---|----------------------|-----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|-----------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | |
| Công ty cổ phần Quốc tế Phong Phú - phải thu tiền bán hàng | Không xác định | 7.438.125.776 | 7.212.395.031 | Không xác định | 7.351.768.865 | 7.151.945.193 |
| Công ty TNHH ITG - Phong Phú | Từ 6 tháng đến 3 năm | 28.594.822.435 | 4.311.603.244 | Từ 6 tháng đến 3 năm | 28.594.822.435 | 4.311.603.244 |
| Công ty TNHH Tài Tín | Trên 3 năm | 3.242.551.090 | - | Trên 3 năm | 3.242.551.090 | - |
| Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng giao thông Hồng Lĩnh | Trên 3 năm | 1.300.000.000 | - | Trên 3 năm | 1.300.000.000 | - |
| Công ty cổ phần dệt may Hapaco Hải Phòng - Phải thu tiền bán hàng | Trên 3 năm | 787.538.760 | - | Trên 3 năm | 787.538.760 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | Từ 6 tháng đến 2 năm | 4.036.907.844 | 2.062.770.017 | Từ 6 tháng đến 2 năm | 4.137.868.514 | 1.116.132.351 |
| Cộng | | 45.399.945.905 | 13.586.768.292 | | 45.414.549.664 | 12.579.680.788 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|--------------------|-------------------------|-------------------------|
| Số đầu năm | (32.834.868.876) | (44.747.987.083) |
| Trích lập dự phòng | (59.690.700) | - |
| Hoàn nhập dự phòng | 30.000.000 | (33.714.051) |
| Giảm do xóa nợ | 1.051.381.963 | 11.526.529.095 |
| Số cuối năm | (31.813.177.613) | (33.255.172.039) |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi trên đường | 3.173.515.659 | - | 417.431.205 | - |
| Nguyên liệu, vật liệu ⁽ⁱ⁾ | 204.922.117.825 | (4.525.460.426) | 194.301.816.011 | (4.555.959.082) |
| Công cụ, dụng cụ | 1.357.950.790 | - | 69.333.235 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 429.007.844.677 | - | 446.194.634.058 | - |
| Thành phẩm | 233.411.045.241 | (5.830.345.938) | 165.501.829.070 | (5.830.345.937) |
| Hàng hóa | 7.170.199.455 | - | 5.707.184.128 | - |
| Hàng gửi đi bán | 15.060.927.106 | - | 15.021.238.347 | - |
| Cộng | 894.103.600.753 | (10.355.806.364) | 827.213.466.054 | (10.386.305.019) |

- (i) Một phần nguyên vật liệu trị giá 1.537.539.043 VND liên quan đến hoạt động sản xuất sợi của Công ty cổ phần dệt Đông Nam đã ngừng hoạt động và đang chờ thanh lý theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 10 tháng 10 năm 2012 thông qua phương án tổ chức lại hoạt động của Công ty cổ phần dệt Đông Nam. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn chưa xem xét giá trị hợp lý của các nguyên vật liệu này.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|----------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Số đầu năm | (10.386.305.019) | (44.747.987.083) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | (33.714.051) |
| Hoàn nhập dự phòng | 30.498.655 | - |
| Điều chỉnh giảm | - | 11.526.529.095 |
| Số cuối kỳ | (10.355.806.364) | (33.255.172.039) |

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 743.424.117 | 222.852.038 |
| Chi phí đồng phục | 296.680.143 | 913.611.675 |
| Chi phí sửa chữa | 31.181.660 | 656.023.517 |
| Chi phí quảng cáo | 169.696.973 | 497.242.425 |
| Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, máy móc thiết bị | 399.727.272 | 420.777.270 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 1.848.713.583 | 228.420.897 |
| Cộng | 3.489.423.748 | 2.938.927.822 |

9b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 5.065.221.701 | 2.745.807.726 |
| Chi phí sửa chữa nhà xưởng | 6.037.511.700 | 6.456.010.773 |
| Chi phí thuê văn phòng làm việc | 270.413.616 | - |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 155.340.879 | 820.403.866 |
| Cộng | 11.528.487.896 | 10.022.222.365 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 626.125.262.364 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.23a và V.23b).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

| | <u>Máy móc và thiết bị</u> |
|------------------------|--------------------------------|
| Nguyên giá | |
| Số đầu năm | 39.807.974.302 |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | 12.858.037.766 |
| Số cuối kỳ | 52.666.012.068 |
| Giá trị hao mòn | |
| Số đầu năm | 3.064.042.134 |
| Khấu hao trong kỳ | 2.457.684.837 |
| Phân loại lại | 72.466.485 |
| Số cuối kỳ | 5.594.193.456 |
| Giá trị còn lại | |
| Số đầu năm | 36.743.932.168 |
| Số cuối kỳ | 47.071.818.612 |

Sau khi hết thúc thời hạn thuê hoặc thanh toán toàn bộ số tiền thuê trước hạn và nếu Tập đoàn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo những thỏa thuận đã nêu trong hợp đồng thuê tài chính, bên cho thuê cam kết sẽ bán lại các tài sản thuê này cho Tập đoàn với giá tương trung (danh nghĩa).

12. Tài sản cố định vô hình

| | <u>Chương trình phần mềm</u> |
|---------------------------------------|----------------------------------|
| Nguyên giá | |
| Số đầu năm | 234.000.000 |
| Mua sắm mới | 121.250.000 |
| Số cuối kỳ | 355.250.000 |
| <i>Trong đó:</i> | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 85.000.000 |
| Giá trị hao mòn | |
| Số đầu năm | 180.737.937 |
| Khấu hao trong kỳ | 29.672.706 |
| Số cuối kỳ | 210.410.643 |
| Giá trị còn lại | |
| Số đầu năm | 53.262.063 |
| Số cuối kỳ | 144.839.357 |
| <i>Trong đó:</i> | |
| Tạm thời không sử dụng | - |
| Đang chờ thanh lý | - |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong kỳ | Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ | Thanh lý dự án | Giảm khác | Số cuối kỳ |
|---------------------------|-----------------------|----------------------------|------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | 3.519.165.572 | 21.084.284.821 | (21.770.624.521) | - | (746.584.995) | 2.086.240.877 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 49.901.178.560 | 42.658.011.545 | (10.840.070.495) | (1.707.202.236) | (633.994.549) | 79.377.922.825 |
| Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ | 1.216.407.446 | - | - | - | - | 1.216.407.446 |
| Cộng | 54.636.751.578 | 63.742.296.366 | (32.610.695.016) | (1.707.202.236) | (1.380.579.544) | 82.680.571.148 |

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chi phí khấu hao và phân bổ trích trước. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 137.950.066 | 34.487.490 |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh | 51.731.296 | 103.462.576 |
| Số cuối kỳ | 189.681.362 | 137.950.066 |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 22% (năm trước thuế suất là 22%).

15. Lợi thế thương mại

Nguyên giá

Số đầu năm

23.599.643.726

Số cuối kỳ

23.599.643.726

Số đã phân bổ

Số đầu năm

15.589.444.068

Phân bổ trong kỳ

1.179.982.187

Số cuối kỳ

16.769.426.255

Giá trị còn lại

Số đầu năm

8.010.199.658

Số cuối kỳ

6.830.217.471

16. Phải trả người bán

16a. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 99.063.150.459 | 24.058.326.164 |
| Tập đoàn dệt may Việt Nam | 1.410.555.300 | - |
| Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú | | |
| Daewon Thủ Đức | 77.600.000 | - |
| Công ty TNHH Coats Phong Phú | 33.180.055.985 | 24.058.326.164 |
| Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú | 64.394.939.174 | - |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 174.680.475.915 | 224.024.155.387 |
| Cộng | 273.743.626.374 | 248.082.481.551 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16b. Phải trả người bán dài hạn

Phải trả tiền mua máy móc thiết bị nhập khẩu của Century Tokyo Leasing Corporation.

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Công ty TNHH sản xuất kinh doanh nguyên liệu may Việt Nam | 9.962.577.900 | 9.962.577.900 |
| Motives Ltd | 14.393.953.277 | - |
| Các khách hàng khác | 20.599.041.917 | 18.670.721.706 |
| Cộng | <u>44.955.573.094</u> | <u>28.633.299.606</u> |

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong kỳ | | Số cuối kỳ | |
|----------------------------|------------------------------|-------------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 9.549.411.614 | (49.321.788) | 13.496.293.809 | (20.741.256.698) | 2.304.614.382 | (49.487.445) |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | - | 6.340.568.483 | (6.340.568.483) | - | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | (4.855.545.902) | 2.189.835.435 | (2.567.014.025) | - | (5.232.724.492) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.943.819.263 | (207.769.015) | 5.774.955.693 | (6.470.905.069) | 3.247.869.887 | (207.769.015) |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.646.993.179 | - | 13.365.511.409 | (14.986.761.836) | 1.038.397.328 | (7.634.914) |
| Thuế tài nguyên | 17.999.999 | - | 138.140.055 | (138.228.735) | 18.181.919 | - |
| Tiền thuế đất | 7.979.265.673 | - | 8.211.125.798 | (5.402.489.687) | 10.787.631.184 | - |
| Các loại thuế khác | 8.010.305 | (255.111) | 91.652.518 | (91.240.212) | 8.167.500 | - |
| Cộng | <u>24.145.500.033</u> | <u>(5.112.891.816)</u> | <u>49.608.083.200</u> | <u>(56.738.464.745)</u> | <u>17.404.862.200</u> | <u>(5.497.615.866)</u> |

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cho thuê, kinh doanh sợi, xơ : 10%
- Dịch vụ sử dụng nước, kinh doanh bông phế phẩm: 05%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty cổ phần dệt vải Phong Phú | - | 5.110.886.833 |
| Công ty cổ phần dệt gia dụng Phong Phú | - | 4.625.599.290 |
| Công ty cổ phần dệt Đông Nam | 459.586.358 | 496.514.532 |
| Công ty cổ phần dệt may Nha Trang | 4.999.753.837 | 2.491.259.773 |
| Công ty TNHH một thành viên sợi chỉ may Phong Phú | - | 620.978.787 |
| Công ty cổ phần xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú | 315.615.498 | (149.334.639) |
| Tổng Công ty cổ phần Phong Phú | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 5.774.955.693 | 13.195.904.576 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước ngầm với mức 18.000.000 VND/tháng.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

| <u>Vị trí đất</u> | <u>Mức tiền thuê</u> |
|--|----------------------------|
| - Số 48 Tăng Nhơn Phú, quận 9, TP. Hồ Chí Minh | 41.040 VND/m ² |
| - Số 02 Trường Chinh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh | 13.512 VND/m ² |
| - 12 Nguyễn Gia Thiều, phường Vạn Thành, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa | 39.150 VND/m ² |
| - 54 Tôn Thất Tùng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh | 990.000 VND/m ² |
| - Km 1447, quốc lộ 1A, xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa | 5.120 VND/m ² |

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

19. Phải trả người lao động

Các khoản tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng... còn phải trả cho công nhân viên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|----------------------|
| Chi phí hoa hồng phải trả | 1.494.348.456 | 1.141.545.802 |
| Chi phí lãi vay phải trả | 9.102.109.075 | 755.141.251 |
| Chi phí điện phải trả | - | 2.299.429.406 |
| Chi phí lãi mua hàng trả chậm phải trả | 427.222.803 | 197.270.867 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 1.007.235.988 | 1.216.219.181 |
| Cộng | 12.030.916.322 | 5.609.606.507 |

21. Doanh thu chưa thực hiện

21a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Doanh thu cho thuê mặt bằng còn phải phân bổ.

21b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Lãi chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản còn phải phân bổ.

22. Phải trả khác

22a. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 35.473.715.632 | 5.000.000.000 |
| Tập đoàn dệt may Việt Nam - Phải trả tiền lãi vay | 293.854.167 | - |
| Tập đoàn dệt may Việt Nam - Phải trả tiền cổ tức | 30.113.194.465 | - |
| Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phong Phú - Tiền chuyển nhượng cổ phần nhận trước | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phong Phú - Phải trả tiền thu hộ cổ tức của Công ty cổ phần dệt Đông Nam | 66.667.000 | - |
| Phải trả các đơn vị và cá nhân khác | 87.837.746.524 | 48.499.074.060 |
| Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, và bảo hiểm y tế | 3.265.318.938 | 3.210.001.209 |
| Lãi vay phải trả | 13.744.829.843 | 14.787.816.424 |
| Cổ tức phải trả | 25.916.423.775 | 24.963.334.900 |
| Các khoản phải trả chưa có hóa đơn | 12.311.016.819 | - |
| Phải trả tiền cổ tức thu hộ | 14.377.004.679 | - |
| Phải trả tiền lợi thế thương mại cho Tổng Công ty nông nghiệp Sài Gòn | 10.000.000.000 | - |
| Nhận ký quỹ ngắn hạn | 197.710.000 | 134.266.000 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 8.025.442.470 | 5.403.655.527 |
| Cộng | 123.311.462.156 | 53.499.074.060 |

22b. Phải trả dài hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Nhận góp vốn hợp tác đầu tư tài chính Công ty cổ phần đầu tư Phước Long | 20.576.000.000 | 20.576.000.000 |
| Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển Tâm Trang | 16.026.000.000 | 16.026.000.000 |
| Các cá nhân | 2.950.000.000 | 2.950.000.000 |
| Nhận ký quỹ dài hạn khác | 1.600.000.000 | 1.600.000.000 |
| | 99.868.000 | 11.849.616.270 |
| Cộng | 20.675.868.000 | 32.425.616.270 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

23. Vay và nợ thuê tài chính

23a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i> | | | | |
| Tập đoàn dệt may Việt Nam ⁽ⁱ⁾ | 38.240.000.000 | 38.240.000.000 | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| Thành viên ban điều hành Công ty cổ phần may Gia Phúc | 740.000.000 | 740.000.000 | - | - |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 1.293.821.694.541 | 1.293.821.694.541 | 1.438.277.492.067 | 1.438.277.492.067 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 1.210.254.518.719 | 1.210.254.518.719 | 1.272.071.282.608 | 1.272.071.282.608 |
| Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾ | 254.117.585.317 | 254.117.585.317 | 247.821.315.126 | 247.821.315.126 |
| Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 134.357.118.292 | 134.357.118.292 | 60.345.868.284 | 60.345.868.284 |
| Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam ^(iv) | 191.470.269.387 | 191.470.269.387 | 194.664.571.086 | 194.664.571.086 |
| Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam ^(v) | 539.049.218.579 | 539.049.218.579 | 672.327.788.259 | 672.327.788.259 |
| Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam ^(vi) | 32.803.814.014 | 32.803.814.014 | 44.036.426.146 | 44.036.426.146 |
| Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín ^(vii) | 17.523.376.634 | 17.523.376.634 | 8.562.074.760 | 8.562.074.760 |
| Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Khánh Hòa ^(viii) | 40.933.136.496 | 40.933.136.496 | 41.910.132.225 | 41.910.132.225 |
| Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình | - | - | 2.403.106.722 | 2.403.106.722 |
| Vay ngắn hạn tổ chức khác | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | 65.244.773.512 | 65.244.773.512 |
| Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh nguyên liệu dệt may Việt Nam | - | - | 1.700.000.000 | 1.700.000.000 |
| Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú ^(ix) | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | - | - |
| Công ty tài chính cổ phần dệt may Việt Nam | - | - | 63.544.773.512 | 63.544.773.512 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân ^(x) | 2.588.310.842 | 2.588.310.842 | - | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23b) | 67.329.453.702 | 67.329.453.702 | 100.961.435.947 | 100.961.435.947 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23b) | 3.649.411.278 | 3.649.411.278 | - | - |
| Cộng | 1.332.061.694.541 | 1.332.061.694.541 | 1.458.277.492.067 | 1.458.277.492.067 |

- (i) Khoản vay Tập đoàn dệt may Việt Nam để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất điều chỉnh 01 tháng/lần theo thông báo của bên cho vay, thời hạn vay 02 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động và phát hành thư bảo lãnh với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định và tín chấp (xem thuyết minh số V.10).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ, thời hạn vay theo từng kế ước là 05 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (v) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động và phát hành thư bảo lãnh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một phần tài sản cố định và tín chấp (xem thuyết minh số V.10).
- (vi) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ, thời hạn vay theo từng kế ước là 06 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (vii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín để bổ sung vốn lưu động với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ, thời hạn vay theo từng kế ước là 12 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (viii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội để bổ sung vốn lưu động với lãi suất áp dụng cho từng khoản vay được quy định cụ thể trên kế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Khánh Hoà, thời hạn vay theo từng kế ước là 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định (xem thuyết minh số V.10).
- (ix) Khoản vay Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (x) Các khoản vay ngắn hạn các nhân để bổ sung vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh. Các khoản vay này đều là vay tín chấp.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay dài hạn ngân hàng | 391.469.181.700 | 391.469.181.700 | 402.611.021.615 | 402.611.021.615 |
| <i>Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam⁽ⁱ⁾</i> | 660.139.334 | 660.139.334 | 763.697.021 | 763.697.021 |
| <i>Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)⁽ⁱⁱ⁾</i> | 22.997.183.536 | 22.997.183.536 | 8.115.888.225 | 8.115.888.225 |
| <i>Ngân hàng phát triển Việt Nam⁽ⁱⁱⁱ⁾</i> | 56.193.466.993 | 56.193.466.993 | 65.577.466.993 | 65.577.466.993 |
| <i>Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam^(iv)</i> | 279.621.377.325 | 279.621.377.325 | 289.185.532.498 | 289.185.532.498 |
| <i>Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng^(v)</i> | 2.829.000.000 | 2.829.000.000 | 3.690.000.000 | 3.690.000.000 |
| <i>Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình^(vi)</i> | 6.400.000.000 | 6.400.000.000 | 8.000.000.000 | 8.000.000.000 |
| <i>Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam^(vii)</i> | 12.509.733.600 | 12.509.733.600 | 14.869.576.200 | 14.869.576.200 |
| <i>Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín^(viii)</i> | 2.644.147.832 | 2.644.147.832 | 3.080.894.958 | 3.080.894.958 |
| <i>Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt^(ix)</i> | 7.614.133.080 | 7.614.133.080 | 9.327.965.720 | 9.327.965.720 |
| Vay dài hạn các tổ chức khác | 125.295.538.080 | 125.295.538.080 | 122.741.654.435 | 122.741.654.435 |
| <i>Công ty tài chính cổ phần dệt may Việt Nam</i> | - | - | 3.676.116.355 | 3.676.116.355 |
| <i>Công ty cổ phần bất động sản Thăng Lợi</i> | 32.000.000.000 | 32.000.000.000 | 32.000.000.000 | 32.000.000.000 |
| <i>Onshine Investment Limited</i> | 70.331.598.080 | 70.331.598.080 | 70.331.598.080 | 70.331.598.080 |
| <i>Hirose Shokai Co., Ltd^(x)</i> | 22.963.940.000 | 22.963.940.000 | 16.733.940.000 | 16.733.940.000 |
| Vay dài hạn các cá nhân ^(xi) | 192.911.543.703 | 192.911.543.703 | 179.303.184.995 | 179.303.184.995 |
| Nợ thuê tài chính | 8.312.955.320 | 8.312.955.320 | 9.485.390.217 | 9.485.390.217 |
| <i>Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam</i> | 5.537.541.661 | 5.537.541.661 | 6.075.430.565 | 6.075.430.565 |
| <i>Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam</i> | 2.775.413.659 | 2.775.413.659 | 3.409.959.652 | 3.409.959.652 |
| Trái phiếu thường dài hạn ^(xii) | 500.000.000.000 | 500.000.000.000 | 500.000.000.000 | 500.000.000.000 |
| Cộng | 1.217.989.218.803 | 1.217.989.218.803 | 1.214.141.251.262 | 1.214.141.251.262 |

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam để đầu tư mua sắm tài sản cố định với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng các tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để mua máy móc thiết bị với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (iii) Khoản vay Chi nhánh ngân hàng phát triển khu vực Quảng Nam Đà Nẵng để mua máy móc thiết bị với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam để phục vụ sản xuất kinh doanh, mua sắm tài sản cố định với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).
- (v) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng để mua máy móc thiết bị với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ dự án (xem thuyết minh số V.10).
- (vi) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình – Chi nhánh Khánh Hòa để mua máy móc thiết bị với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).
- (vii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam để thực hiện dự án đầu tư tăng năng lực sản xuất sợi chỉ may với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là hệ thống máy móc thiết bị kéo sợi cotton (xem thuyết minh số V.10).
- (viii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín để đầu tư mở rộng nhà xưởng và mua hệ thống máy móc thiết bị kéo sợi PE với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ dự án (xem thuyết minh số V.10).
- (ix) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thực hiện dự án “Đầu tư tăng năng lực sản xuất cho dây chuyền sản xuất sợi cotton” với lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ dự án (xem thuyết minh số V.10).
- (x) Khoản vay tín chấp Hirose Shokai Co., Ltd để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay là 10 năm với lãi suất cố định 3%/năm. Thời hạn trả gốc bắt đầu từ năm 2017 và kết thúc năm 2024. Trả lãi mỗi năm một lần, kỳ trả lãi đầu tiên vào năm 2015. Thuế nhà thầu từ lãi tiền vay do bên cho vay chịu và được khấu trừ khi thanh toán lãi vay.
- (xi) Khoản vay dài hạn các cá nhân khác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (xii) Trái phiếu thường, mệnh giá 1.000.000.000 VND, được phát hành cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là các khoản vốn góp của Công ty mẹ trong một số Công ty con.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | <u>Tổng nợ</u> | <u>Từ 1 năm trở xuống</u> | <u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> | <u>Trên 5 năm</u> |
|---|--------------------------|---------------------------|-----------------------------|------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 458.798.635.403 | 67.329.453.702 | 355.712.335.976 | 35.756.845.725 |
| Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác | 318.207.081.783 | - | 201.395.657.208 | 116.811.424.575 |
| Nợ thuê tài chính | 11.962.366.597 | 3.649.411.278 | 8.312.955.319 | - |
| Trái phiếu thường | 500.000.000.000 | - | 500.000.000.000 | - |
| Cộng | 1.288.968.083.783 | 70.978.864.980 | 1.065.420.948.503 | 152.568.270.300 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 497.268.611.386 | 94.657.589.771 | 365.864.335.172 | 36.746.686.443 |
| Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác | 304.360.527.430 | 2.315.688.000 | 200.713.762.766 | 101.331.076.664 |
| Nợ thuê tài chính | 13.473.548.393 | 3.988.158.176 | 9.485.390.217 | - |
| Trái phiếu thường | 500.000.000.000 | - | 500.000.000.000 | - |
| Cộng | 1.315.102.687.209 | 100.961.435.947 | 1.076.063.488.155 | 138.077.763.107 |

23c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Chi quỹ trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|--|----------------------|---------------------------------------|-------------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 452.124.383 | 5.518.007.737 | (3.809.373.224) | 2.160.758.896 |
| Quỹ phúc lợi | 1.094.507.109 | 2.668.151.534 | (1.080.849.184) | 2.681.809.459 |
| Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định | 252.193.181 | - | - | 252.193.181 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 527.083.797 | 4.148.000.000 | (3.707.000.000) | 968.083.797 |
| Cộng | 2.325.908.470 | 12.334.159.271 | (8.597.222.408) | 6.062.845.333 |

25. Vốn chủ sở hữu

25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

25b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------|------------------------|------------------------|
| Tập đoàn dệt may Việt Nam | 374.087.960.000 | 374.087.960.000 |
| Các cổ đông khác | 359.417.850.000 | 359.417.850.000 |
| Cộng | 733.505.810.000 | 733.505.810.000 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

25c. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 73.350.581 | 73.350.581 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 73.350.581 | 73.350.581 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 73.350.581 | 73.350.581 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 69.250 | 69.250 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 69.250 | 69.250 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 73.281.331 | 73.281.331 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 73.281.331 | 73.281.331 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

25d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 14 tháng 4 năm 2015 như sau:

| | VND |
|--|-------------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông | : 110.025.871.500 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển | : 7.949.000.000 |
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | : 5.782.600.001 |
| • Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành | : 4.148.000.000 |

26. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

| | <u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u> | |
|--|--|-------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Số đầu năm | 119.891.752.441 | 263.724.585.441 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 454.506.729 | 17.521.655.010 |
| Tăng, (giảm) vốn của cổ đông không kiểm soát | 16.300.000.000 | (9.494.397.487) |
| Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khác | (1.044.491.237) | (92.122.686.390) |
| Giảm do sáp nhập Công ty cổ phần dệt vải Phong Phú và Công ty cổ phần dệt gia dụng Phong Phú | - | (77.255.810.000) |
| Cổ tức đã trả trong kỳ | (9.061.327.000) | - |
| Giảm do mua lại cổ phiếu quỹ | (1.540.730.408) | - |
| Tăng/(giảm) khác | (4.146.525.363) | 1.052.231.114 |
| Số cuối kỳ | <u>120.853.185.162</u> | <u>103.425.577.688</u> |

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

27a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|------------------------------|------------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 11.711.107.064 | 11.837.597.064 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 9.127.462.431 | 19.184.741.697 |
| Cộng | <u>20.838.569.495</u> | <u>31.022.338.761</u> |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG KONG

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tiền thuê nhà tại Phan Thiết với giá thuê là 6.000.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 03 năm tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2013.
- Tiền thuê nhà tại Hà Nội với giá thuê là 46.500.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 05 năm tính từ ngày 14 tháng 6 năm 2013.
- Tiền thuê nhà tại Cần Thơ với giá thuê là 19.000.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 02 năm tính từ ngày 09 tháng 9 năm 2013.
- Tiền thuê nhà tại Sài Gòn với giá thuê là 50.000.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 05 năm tính từ ngày 26 tháng 9 năm 2012.
- Tiền thuê nhà tại Quận 10, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 53.989.633 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 05 năm tính từ ngày 09 tháng 4 năm 2012.
- Tiền thuê nhà tại Lê Văn Sỹ, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê là 45.000.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 05 năm tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2012.
- Tiền thuê dây chuyền nhuộm với giá thuê là 2.750 USD/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 04 năm tính từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

27b. Ngoại tệ các loại

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------|-------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 734.074,36 | 134.339,22 |
| Euro (EUR) | 2,86 | 2,86 |
| Dollar HongKong (HKD) | 35.000.000.000 | - |

27c. Nợ khó đòi đã xử lý

Tổng Công ty đã xóa sổ một số khoản nợ không có khả năng thu hồi với số tiền là 12.863.803.804 VND (số đầu năm là 11.812.421.841 VND).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|--|---------------------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Doanh thu bán hàng hóa | 374.222.918.157 | 378.560.381.628 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 1.421.063.243.263 | 1.552.476.228.498 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 48.624.234.412 | 46.982.702.458 |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư | 12.934.801.301 | 3.184.992.049 |
| Doanh thu khác | 395.264.538 | - |
| Cộng | <u>1.857.240.461.671</u> | <u>1.981.204.304.633</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với Tập đoàn dệt may Việt Nam với số tiền là 160.695.015 VND (cùng kỳ năm trước không có giao dịch phát sinh).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chiết khấu thương mại | 2.873.472 | 6.451.188 |
| Hàng bán bị trả lại | 380.090.895 | 532.312.739 |
| Giảm giá hàng bán | 195.737.505 | 665.464.348 |
| Cộng | 578.701.872 | 1.204.228.275 |

3. Giá vốn hàng bán

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|--------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 323.423.270.578 | 348.602.845.428 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 1.265.850.095.506 | 1.369.440.327.377 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 29.662.116.488 | 27.713.905.495 |
| Giá vốn của thành phẩm bất động sản đã bán | 14.278.466.782 | 2.606.995.050 |
| Giá vốn trường mầm non | 237.805.813 | - |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (30.498.655) | (655.781.560) |
| Cộng | 1.633.421.256.512 | 1.747.708.291.790 |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 160.683.501 | 151.896.405 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 241.193.424 | 659.450.551 |
| Lãi tiền cho vay | 2.756.261.590 | 5.142.468.749 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 18.461.932.532 | 20.191.633.800 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 4.620.994.258 | 2.516.265.699 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | - | 9.178.736 |
| Lãi do nhượng bán chứng khoán | - | 2.966.498.400 |
| Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác | 208.937.446 | 26.455.654.879 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 143.554.019 | 429.990.554 |
| Cộng | 26.593.556.770 | 58.523.037.773 |

5. Chi phí tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 64.265.038.103 | 82.950.226.687 |
| Chi phí nhượng bán các khoản đầu tư | 55.722.351 | - |
| Chiết khấu thanh toán cho người mua | 30.760.188 | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 6.455.299.836 | 3.874.493.913 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 12.020.688.424 | 4.405.048.050 |
| Lỗ do nhượng bán chứng khoán | 3.601.773.720 | 848.987.280 |
| Lỗ chuyển nhượng công ty liên kết | - | 1.909.699.564 |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | (3.858.816.071) | (5.736.567.965) |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 231.672.834 | 232.954.515 |
| Cộng | 82.802.139.385 | 88.484.842.044 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 8.740.470.179 | 9.048.705.023 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 142.590.427 | 1.115.095.456 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 37.085.000 | - |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 61.815.642 | 61.815.642 |
| Chi phí vận chuyển | 13.110.745.767 | 8.966.989.239 |
| Các chi phí khác | 22.608.356.074 | 17.345.379.626 |
| Cộng | 44.701.063.089 | 36.537.984.986 |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 29.908.136.014 | 49.783.277.510 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 2.523.313.405 | 1.342.493.979 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 519.253.772 | - |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.239.737.805 | 1.659.068.917 |
| Chi phí phân bổ lợi thế thương mại | 1.179.982.187 | 1.480.683.143 |
| Thuế, phí và lệ phí | 3.784.275.424 | 5.665.813.862 |
| Dự phòng nợ phải thu khó đòi | 29.690.700 | (33.714.051) |
| Các chi phí khác | 36.695.525.462 | 39.070.654.630 |
| Cộng | 75.879.914.769 | 98.968.277.990 |

8. Thu nhập khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư | - | 5.924.636.763 |
| Tiền phạt vi phạm hợp đồng | 682.531.023 | - |
| Phí xúc tiến dự án | 1.162.405.455 | - |
| Các khoản thuế được hoàn | - | 1.654.266.664 |
| Thu tiền bán phế liệu | - | 4.309.545 |
| Thu nhập khác | 968.262.315 | 1.497.759.082 |
| Cộng | 2.813.198.793 | 9.080.972.054 |

9. Chi phí khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư | 309.533.268 | - |
| Lỗ do thanh lý dự án | 1.707.202.236 | - |
| Phạt do vi phạm hợp đồng | 40.622.000 | - |
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 226.785.451 | 69.232.169 |
| Khấu hao máy móc thiết bị và nhà xưởng cho thuê tại nhà máy dệt Hải Vân | - | 872.225.545 |
| Chi phí lợi thế thương mại | 10.000.000.000 | - |
| Chi phí khác | 16.318.982 | 1.186.238.702 |
| Cộng | 12.300.461.937 | 2.127.696.416 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ | 138.399.627.574 | 153.499.129.123 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | (9.687.973.930) | (10.744.939.039) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu | 128.711.653.644 | 142.754.190.084 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ | 73.281.331 | 66.247.338 |
| Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu | 1.756 | 2.155 |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 73.281.331 | 65.625.000 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng phát hành trong kỳ này | - | 622.338 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 73.281.331 | 66.247.338 |

10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 2.317 VND xuống còn 2.155 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------|------------------------|-----------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 17.456.580.755 | 6.268.593.570 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 54.566.945.705 | 4.094.405.372 |
| Trên 5 năm | 63.720.159.499 | - |
| Cộng | 135.743.685.959 | 10.362.998.942 |

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành và kế toán trưởng) các công ty trong Tập đoàn. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.23b.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 1.896.406.000 VND (cùng kỳ năm trước là 1.744.693.700 VND).

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|--|--------------------|
| Tập đoàn dệt may Việt Nam | Công ty mẹ |
| Công ty TNHH Coats Phong Phú | Công ty liên kết |
| Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú | Công ty liên kết |
| Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị số 9 | Công ty liên kết |
| Công ty cổ phần may Đà Lạt | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH xây dựng Phong Đức | Công ty liên kết |
| Công ty cổ phần dệt may Quảng Phú | Công ty liên kết |
| Công ty cổ phần phát triển nhà và đầu tư đô thị Phú Quốc | Công ty liên kết |
| Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewoon Thủ Đức | Công ty liên kết |
| Công ty cổ phần đầu tư phát triển Phong Phú Lăng Cô | Công ty liên kết |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn chỉ phát sinh các giao dịch sau với Tập đoàn dệt may Việt Nam:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------------------------|--|------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thuê văn phòng | 1.282.323.000 | 961.742.250 |
| Tiền hỗ trợ chi hộ | 93.109.091 | 289.568.636 |
| Cổ tức phải trả | 56.113.194.465 | 48.116.250.000 |
| Lãi vay phải trả | 293.854.167 | - |
| Chuyển nhượng cổ phiếu đầu tư | - | 8.483.418.400 |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5a, V.6a, V.16a, V.22a và V.23a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: mua bán sợi, vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất sợi, vải, khăn, chỉ may, may mặc thời trang ...
- Lĩnh vực cho thuê nhà xưởng.
- Lĩnh vực khác: dịch vụ giáo dục mầm non, kinh doanh bất động sản và thực hiện các dự án cụm công nghiệp, khu du lịch và tòa nhà phức hợp.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở Phụ lục 03 đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ nhà xưởng của Công ty được đặt tại Việt Nam. Thị trường tiêu thụ của Tập đoàn chủ yếu là Việt Nam, các nước Châu Á khác (Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc, Thái Lan) các nước Châu Âu và Mỹ.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------|-----------------------------------|--------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Việt Nam | 1.059.059.041.406 | 1.249.878.055.930 |
| Các nước khác | 797.602.718.393 | 730.122.020.428 |
| Cộng | 1.856.661.759.799 | 1.980.000.076.358 |

5. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các chỉ tiêu được trình bày lại như sau:

| | Số liệu trước trình bày lại | Trình bày lại | Số liệu sau khi trình bày lại |
|--|--------------------------------|-------------------|----------------------------------|
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ | | | |
| Các khoản tương đương tiền | 15.000.000.000 | (3.000.000.000) | 12.000.000.000 |
| Đầu tư ngắn hạn | 132.292.162.050 | (132.292.162.050) | - |
| Chứng khoán kinh doanh | - | 20.305.333.720 | 20.305.333.720 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | - | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | - | 111.252.458.302 | 111.252.458.302 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 302.349.870.887 | 291.980.789 | 302.641.851.676 |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | - | 104.510.051 | 104.510.051 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 5.348.949.142 | (5.348.949.142) | - |
| Phải thu về cho vay dài hạn | - | 5.686.828.330 | 5.686.828.330 |
| Phải thu dài hạn khác | - | 507.430.329.189 | 507.430.329.189 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | - | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| Đầu tư dài hạn khác | 715.875.058.175 | (715.875.058.175) | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | - | 209.899.399.581 | 209.899.399.581 |
| Tài sản dài hạn khác | 3.454.670.595 | (3.454.670.595) | - |
| Quỹ đầu tư phát triển | 247.204.442.573 | 34.059.573.672 | 281.264.016.245 |
| Quỹ dự phòng tài chính | 34.059.573.672 | (34.059.573.672) | - |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ | | | |
| Thu nhập khác | 18.532.384.608 | (9.451.412.554) | 9.080.972.054 |
| Chi phí khác | 11.579.108.970 | (9.451.412.554) | 2.127.696.416 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ | | | |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | (57.866.290.596) | 248.800.409 | (57.617.490.187) |
| Tăng, giảm các khoản phải trả | 313.652.826.359 | 10.673.480.378 | 324.326.306.737 |
| Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | - | 8.740.903.280 | 8.740.903.280 |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 9.772.049.317 | (2.723.922.044) | 7.048.127.273 |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 82.970.000.000 | (8.740.903.280) | 74.229.096.720 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | (128.423.400.423) | (8.198.358.743) | (136.621.759.166) |

6. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

030
TỔNG
CỔ
PHỤ
9-TP

33004
CÔNG
TÍNH NH
M TOÁN
A &
TINH-TI

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Tập đoàn cho các bên liên quan và một số công ty khác vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này có khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính. Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|--------------------------|-------------------------|--------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 62.675.345.398 | - | 56.236.462.893 | - |
| Chứng khoán kinh doanh | 10.060.000.000 | - | 20.305.333.720 | (3.803.093.720) |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5.000.000.000 | - | 5.000.000.000 | - |
| Phải thu khách hàng | 765.144.977.576 | (27.270.626.523) | 819.026.964.339 | (28.292.317.786) |
| Các khoản cho vay | 134.939.286.632 | - | 116.939.286.632 | - |
| Các khoản phải thu khác | 693.904.749.034 | (4.542.551.090) | 796.889.098.274 | (4.542.551.090) |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 221.490.953.524 | (26.030.456.508) | 209.899.399.581 | (26.086.178.861) |
| Cộng | 1.893.215.312.164 | (57.843.634.121) | 2.024.296.545.439 | (62.724.141.457) |

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| Số cuối kỳ | Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|---|--|--------------------------------------|--------------------------|
| | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 62.675.345.398 | - | 62.675.345.398 |
| Chứng khoán kinh doanh | 10.060.000.000 | - | 10.060.000.000 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5.000.000.000 | - | 5.000.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 724.287.582.761 | 40.857.394.815 | 765.144.977.576 |
| Các khoản cho vay | 134.939.286.632 | - | 134.939.286.632 |
| Các khoản phải thu khác | 689.362.197.944 | 4.542.551.090 | 693.904.749.034 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 135.237.291.190 | 86.253.662.334 | 221.490.953.524 |
| Cộng | 1.761.561.703.925 | 131.653.608.239 | 1.893.215.312.164 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|--|--|--------------------------------------|--------------------------|
| Số đầu năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 56.236.462.893 | - | 56.236.462.893 |
| Chứng khoán kinh doanh | 10.060.000.000 | 10.245.333.720 | 20.305.333.720 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5.000.000.000 | - | 5.000.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 778.154.965.765 | 40.871.998.574 | 819.026.964.339 |
| Các khoản cho vay | 116.939.286.632 | - | 116.939.286.632 |
| Các khoản phải thu khác | 792.346.547.184 | 4.542.551.090 | 796.889.098.274 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 123.525.737.247 | 86.373.662.334 | 209.899.399.581 |
| Cộng | 1.882.262.999.721 | 142.033.545.718 | 2.024.296.545.439 |

6b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Vay và nợ | 1.332.061.694.541 | 1.065.420.948.503 | 152.568.270.300 | 2.550.050.913.344 |
| Phải trả người bán | 273.743.626.374 | 23.399.508.851 | - | 297.143.135.225 |
| Các khoản phải trả khác | 127.927.137.155 | 20.675.868.000 | - | 148.603.005.155 |
| Cộng | 1.733.732.458.070 | 1.109.496.325.354 | 152.568.270.300 | 2.995.797.053.724 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | 1.458.277.492.067 | 1.076.063.488.155 | 138.077.763.107 | 2.672.418.743.329 |
| Phải trả người bán | 248.082.481.551 | 23.399.508.851 | - | 271.481.990.402 |
| Các khoản phải trả khác | 55.550.029.585 | 32.425.616.270 | - | 87.975.645.855 |
| Cộng | 1.761.910.003.203 | 1.131.888.613.276 | 138.077.763.107 | 3.031.876.379.586 |

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất và giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD, JPY do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|--|------------------------|-------------|-------------------------|------------------------|--------------------|-------------------------|
| | USD | EUR | JPY | USD | EUR | JPY |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 734.074,36 | 2,86 | 35.000.000,00 | 134.339,22 | 2,86 | - |
| Phải thu khách hàng | 4.252.822,80 | - | - | 6.606.121,32 | - | - |
| Các khoản phải thu khác | - | - | - | 28.000,00 | - | - |
| Vay và nợ | (32.719.608,42) | - | (69.000.000,00) | (45.509.671,26) | (15.028,00) | (34.000.000,00) |
| Phải trả người bán | (1.061.997,95) | - | (131.524.416,00) | (420.688,12) | - | (131.524.416,00) |
| Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ | (28.794.709,21) | 2,86 | (165.524.416,00) | (39.161.898,84) | (15.025,14) | (165.524.416,00) |

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế kỳ này của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 12.542.975.330,00 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 11.088.834.115 VND).

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR, giữa VND và JPY đến lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | | |
|-------------------|----------------------------|------------------------|----------------------------|------------------------|--------------------|
| | VND | USD | VND | USD | EUR |
| Các khoản cho vay | 134.939.286.632 | - | 111.986.828.330 | - | - |
| Vay và nợ | (1.823.355.023.211) | (32.719.608,42) | (1.700.385.090.268) | (45.009.671,26) | (15.028,00) |
| Nợ phải trả thuần | <u>(1.688.415.736.579)</u> | <u>(32.719.608,42)</u> | <u>(1.588.398.261.938)</u> | <u>(45.009.671,26)</u> | <u>(15.028,00)</u> |

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế kỳ này của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 33.768.314.732 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 36.895.002.059 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

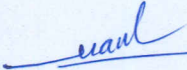
6d. Tài sản đảm bảo


Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.


7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2015


Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu


Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng


Bùi Thị Thu
Phó Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhom Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhom Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

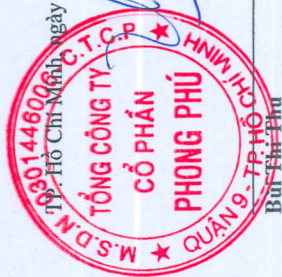
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng | Đơn vị tính: VND |
|---------------------------------------|------------------------|--------------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------|--------------------------|------------------|
| Nguyên giá | | | | | | | |
| Số đầu năm | 458.758.814.659 | 1.924.280.486.223 | 43.973.845.820 | 2.845.060.698 | 460.804.150 | 2.430.319.011.550 | |
| Mua trong năm | 1.053.394.999 | 3.491.023.548 | 1.172.727.273 | - | - | 5.717.145.820 | |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 503.110.000 | 19.249.547.250 | - | - | - | 19.752.657.250 | |
| Thanh lý, nhượng bán | (32.629.932.207) | (53.367.169.782) | (1.477.671.769) | (56.809.090) | - | (87.531.582.848) | |
| Phân loại lại | - | 907.760.560 | (907.760.560) | - | - | - | |
| Số dư cuối kỳ | 427.685.387.451 | 1.894.561.647.799 | 42.761.140.764 | 2.788.251.608 | 460.804.150 | 2.368.257.231.772 | |
| Trong đó: | | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 39.684.920.711 | 239.022.940.759 | 13.083.589.698 | 1.834.861.794 | - | 293.626.312.962 | |
| Giá trị hao mòn | | | | | | | |
| Số đầu năm | 189.457.005.361 | 1.128.450.905.141 | 25.981.505.656 | 3.012.563.622 | 440.174.878 | 1.347.342.154.658 | |
| Khấu hao trong năm | 8.656.440.168 | 61.106.624.243 | 1.998.583.154 | 432.929.332 | 5.448.000 | 72.200.024.897 | |
| Thanh lý, nhượng bán | (16.594.550.629) | (18.170.926.177) | (952.495.391) | (18.936.360) | - | (35.736.908.557) | |
| Phân loại lại | (276.190.476) | (820.417.377) | 1.024.141.368 | - | - | (72.466.485) | |
| Giảm khác | - | (37.843.099) | - | (638.304.986) | - | (676.148.085) | |
| Số dư cuối kỳ | 181.242.704.424 | 1.170.528.342.731 | 28.051.734.787 | 2.788.251.608 | 445.622.878 | 1.383.056.656.428 | |
| Giá trị còn lại | | | | | | | |
| Số đầu năm | 269.301.809.298 | 795.829.581.082 | 17.992.340.164 | (167.502.924) | 20.629.272 | 1.082.976.856.892 | |
| Số cuối kỳ | 246.442.683.027 | 724.033.305.068 | 14.709.405.977 | - | 15.181.272 | 985.200.575.344 | |
| Trong đó: | | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - | - | |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - | |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2015

Lê Thị Tú Anh
Người lập biểuTrương Thị Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhom Phú, khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

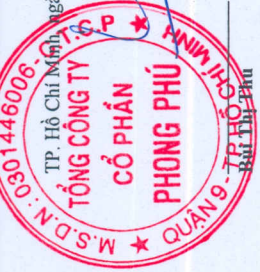
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác của vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---|------------------------|-----------------------|----------------------|------------------------|-----------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 656.250.000.000 | 35.460.836.001 | (12.823.260.643) | 224.254.175.431 | - | 279.476.622.657 | 1.182.618.373.446 |
| Phát hành cổ phiếu đối cổ phiếu Công ty con để sáp nhập trong kỳ trước | 77.255.810.000 | - | - | - | - | - | 77.255.810.000 |
| Tăng do sáp nhập trong kỳ trước | - | - | 12.251.484.920 | 53.137.882.948 | - | 153.499.129.123 | 65.389.367.868 |
| Lợi nhuận trong kỳ trước | - | - | - | - | - | - | 153.499.129.123 |
| Trích lập các quỹ trong kỳ trước | - | - | - | 7.504.328.140 | - | (17.518.105.537) | (10.013.777.397) |
| Chia cổ tức trong kỳ trước | - | - | - | - | - | (123.164.817.923) | (123.164.817.923) |
| Thù lao Hội đồng quản trị và thưởng ban điều hành trong kỳ trước | - | - | - | - | - | (2.787.164.001) | (2.787.164.001) |
| Các khoản điều chỉnh khác | - | - | - | - | - | 18.095.267.891 | 18.095.267.891 |
| Số dư cuối kỳ trước | 733.505.810.000 | 35.460.836.001 | (571.775.723) | 284.896.386.519 | - | 307.600.932.211 | 1.360.892.189.007 |
| Số dư đầu năm nay | 733.505.810.000 | 35.460.836.001 | (692.500.000) | 281.264.016.245 | - | 298.874.469.438 | 1.348.412.631.684 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | - | - | - | 138.399.627.574 | 138.399.627.574 |
| Trích lập các quỹ trong kỳ này | - | - | - | 7.949.000.000 | 499.942.846 | (20.318.568.849) | (11.869.626.003) |
| Chia cổ tức trong kỳ này | - | - | - | - | - | (110.025.871.500) | (110.025.871.500) |
| Điều chỉnh giảm do chuyển khoản đầu tư từ liên kết sang đầu tư dài hạn khác | - | - | - | - | - | (77.338.650.122) | (77.338.650.122) |
| Các khoản điều chỉnh khác | - | 287.469.344 | - | (293.943.410) | - | (392.467.626) | (398.941.692) |
| Số dư cuối kỳ này | 733.505.810.000 | 35.748.305.345 | (692.500.000) | 288.919.072.835 | 499.942.846 | 229.198.538.915 | 1.287.179.169.941 |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2015



PHONG PHÚ
 Phó Tổng Giám đốc

Trương Thị Ngọc Phương
 Kế toán trưởng

Lê Thị Tư Anh
 Người lập biểu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

| Kỳ này | Lĩnh vực sản xuất | Lĩnh vực thương mại | Lĩnh vực dịch vụ | Lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|--------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------|--------------------------|
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 1.420.909.488.837 | 373.797.970.711 | 49.019.498.950 | 12.934.801.301 | - | 1.856.661.759.799 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.420.909.488.837 | 373.797.970.711 | 49.019.498.950 | 12.934.801.301 | - | 1.856.661.759.799 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 403.485.543.816 | (198.051.450.352) | 19.119.576.648 | (1.343.665.481) | - | 223.210.004.631 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | - | (120.580.977.858) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 107.613.679.030 | - | - | - | - | 102.659.525.429 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | - | - | - | - | - | 26.593.556.770 |
| Chi phí tài chính | - | - | - | - | - | (82.802.139.385) |
| Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | - | - | - | - | - | 107.613.679.030 |
| Thu nhập khác | - | - | - | - | - | 2.813.198.793 |
| Chi phí khác | - | - | - | - | - | (12.300.461.937) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - | - | - | - | (5.774.955.693) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - | - | - | - | - | 51.731.296 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 107.613.679.030 | - | - | - | - | 138.854.134.303 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 42.331.377.067 | - | 466.914.491 | 32.209.913.764 | - | 75.008.205.322 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 75.554.244.203 | - | 2.406.222.185 | 521.245.753 | - | 78.481.712.141 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | - | - | - | - | - | - |

44600
CÔNG T
PHẦN
G PH
4490
NG
TIỆM
N VÀ
&
PH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

| | Lĩnh vực sản xuất | Lĩnh vực thương mại | Lĩnh vực dịch vụ | Lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|--------------------------|------------------------|-----------------------|----------------------|--------------------|--------------------------|
| Kỳ trước | | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 1.551.272.000.223 | 378.560.381.628 | 46.982.702.458 | 3.184.992.049 | - | 1.980.000.076.358 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.551.272.000.223 | 378.560.381.628 | 46.982.702.458 | 3.184.992.049 | - | 1.980.000.076.358 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 182.636.934.117 | 29.957.536.200 | 19.268.796.963 | 577.996.999 | - | 232.441.264.279 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | - | (135.655.742.687) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | - | - | - | - | - | 96.785.521.592 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | - | - | - | - | - | 58.523.037.773 |
| Chi phí tài chính | - | - | - | - | - | (88.484.842.044) |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 110.913.470.400 | - | - | (292.952.095) | - | 110.620.518.305 |
| Thu nhập khác | - | - | - | - | - | 9.080.972.054 |
| Chi phí khác | - | - | - | - | - | (2.127.696.416) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - | - | - | - | (13.195.904.576) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - | - | - | - | - | (180.822.554) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 11.792.053.144 | - | 200.000.000 | 2.589.173.575 | - | 14.581.226.719 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 69.988.369.133 | - | 1.173.771.587 | 809.252.621 | - | 71.971.393.341 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | - | - | - | - | - | - |

15-C
 TY
 HỮU HẠN
 TƯ VẤN
 CHI M

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

| | Đơn vị tính: VND | | | | | |
|---|--------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------|--------------------------|
| Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau: | | | | | | |
| | Lĩnh vực sản xuất | Lĩnh vực thương mại | Lĩnh vực dịch vụ | Lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
| Số cuối kỳ | | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 1.757.979.279.895 | 602.869.072.554 | 106.244.984.230 | 441.746.625.722 | - | 2.908.839.962.401 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | | | 1.644.330.919.745 |
| Tổng tài sản | 1.704.552.865.930 | 44.972.318.633 | 9.215.672.700 | - | - | 4.553.170.882.146 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | | | | | | 1.758.740.857.263 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | | 1.386.397.669.779 |
| Tổng nợ phải trả | 2.110.962.465.004 | 291.915.054.900 | 27.376.476.926 | 485.989.294.255 | - | 4.672.261.687.512 |
| Số đầu năm | | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 613.136.794.699 | 116.172.399.637 | - | 18.607.315.633 | - | 747.916.509.969 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | | | 2.456.040.793.418 |
| Tổng tài sản | 613.136.794.699 | 116.172.399.637 | - | 18.607.315.633 | - | 3.203.957.303.387 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | | | | | | 747.916.509.969 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | | 2.456.040.793.418 |
| Tổng nợ phải trả | 613.136.794.699 | 116.172.399.637 | - | 18.607.315.633 | - | 3.203.957.303.387 |

M.S.D.N. 30144609, Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2015



[Signature]

Trương Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng

[Signature]

Lê Thị Tú Anh
Người lập biểu

